Công an Huyện……. **BM 1 Đội……..**

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ ANTT VÀ DỊCH VỤ NHẠY CẢM**

**CÓ BIỂU HIỆN NGHI VẤN LIÊN QUAN ĐẾN TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN MA TÚY**

***Tháng, quý, năm…***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đơn vị theo dõi | Loại hình 1,2,3,4,5 | Tên cơ sở, địa chỉ cụ thể  | Có phép/không giấy phép | Biểu hiện khả năng vi phạm | Phát sinh mới | Hình thức xử lý, thời gian dự kiến. |
|  |  |  |  | Mua bán trái phép ma túy | Tổ chức sử dụng trái phép chất MT | Chứa chấp việc sử dụng trái phép MT | Sử dụng trái phép MT |  | Vô hiệu hóa | Triệt xóa | Tạm đình chỉ hoạt động |   Khác |
| Ví dụ:CA TP …A  |  Karaoke | Phố….quận/huyện |  Không phép |  | x |  |  | T…/2022 |  | x |  |  |
| ………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

**- Loại hình 1,2,3,4,5 : *1****: Vũ trường;* ***2****: Bar, bar karaoke;* ***3****:Karaoke ;****4:*** *Nhà nghỉ, khách sạn, chung cư, khu nghỉ dưỡng…và các loại hình lưu trú khác;* ***5****: Loại hình khác (CLB, beer club, nhà hàng, game ...).*

*- Căn cứ vào thực tế có thể lập danh sách riêng từng loại hình kinh doanh và ghi cụ thể địa chỉ của loại hình kinh doanh và tổng số loại hình.*

*- Mốc thời gian thống kê: từ 15 tháng trước đến hết ngày 14 tháng làm báo cáo và BM.(vd: 15 tháng 1 đến 14 tháng 2 năm 202…) và thời hạn gửi báo cáo về PC04 ( Đội 4) trước ngày 15 của tháng (theo Thông tư số 13/2022/TT-BCA).*

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(ký, đóng dấu)* | ………, ngày…….tháng……năm……**CÁN BỘ THỐNG KÊ***( ký, ghi rõ họ tên, số điện thoại)* |

**Công an huyện……….. BM2**

 **Đội ………..**

**KẾT QUẢ ĐẤU TRANH CÁC CƠ SỞ KD CÓ ĐK VỀ ANTT VÀ DỊCH VỤ NHẠY CẢM**

***Tháng, quý, năm…***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Đơn vị đấu tranh. | Số vụ đấu tranh | **Loại hình đấu tranh** | **Số đối tượng xử lý** |
| Vũ trường | Quán Bar | karaoke | Khách sạn, nhànghỉ, dv lưu trú | Khác ( nhà hàng, beer, club..),  | **Xử lý hình sự** | **Xử lý hành chính** | **khác** |
| Tội chứa chấp sd trái phép ma túy | Tội sử dụng trái phép ma túy | Tội mua bán trái phép ma túy | Tội tàng trữ trái phép ma túy | khác | Đối tượng trong danh sách quản lý, theo dõi | Hoạt động quá giờ quy định | Để người khác sd ma túy trong khu vực mình quản lý | Kinh doanh không phép về ANTT | Sử dụng trái phép ma túy |  |
| Dưới 18 tuổi | Từ 18 đến dưới 30 tuổi | Trên 30 tuổi | Đối tượng trong ds quản lý, theo dõi |
| Trong ds quản lý | Ngoài ds quản lý |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng số |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: …..*

*- Mốc thời gian thống kê: từ 15 tháng trước đến hết ngày 14 tháng làm báo cáo và BM.(vd: 15 tháng 1 đến 14 tháng 2 năm 202…) và thời hạn gửi báo cáo về PC04 ( Đội 4) trước ngày 15 của tháng ( theo Thông tư số 13/2022/TT-BCA).*

|  |  |
| --- | --- |
| **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ***(ký, đóng dấu)* | …………..ngày………tháng……….năm…….**CÁN BỘ THỐNG KÊ***( ký, ghi rõ họ tên, số điện thoại)* |

**Công an Huyện……. BM 3**

 **Đội………………..**

 **DANH SÁCH CÁC ĐIỂM, TỤ ĐIỂM PHỨC TẠP VỀ MA TÚY.**

***Tháng, quý, năm…***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT |  **Loại hình****Đơn vị** **theo dõi** | **Điểm phức tạp về ma túy hiện hành**( Tên điểm, tên đối tượng, địa chỉ cụ thể) | **Tụ điểm phức tạp về ma túy hiện hành**( Tên điểm, tên đối tượng, địa chỉ cụ thể) | **Thời hạn dự kiến giải quyết.** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

**-** *Danh sách điểm và tụ điểm phải được sự phê duyệt của Lãnh đạo CA tỉnh phụ trách;*

*- Thời hạn giải quyết điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy: Không quá 3 tháng với Điểm và 6 tháng với Tụ điểm. ( theo hướng dẫn số 4957/HD-C04;*

**-** *Căn cứ vào thực tế có thể lập danh sách riêng từng loại;*

*- Mốc thời gian thống kê: từ 15 tháng trước đến hết ngày 14 tháng làm báo cáo và BM.(vd: 15 tháng 1 đến 14 tháng 2 năm 202…) và thời hạn gửi báo cáo về PC04 ( Đội 4) trước ngày 15 của tháng,( theo Thông tư số 13/2022/TT-BCA).*

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(ký, đóng dấu)* | ………, ngày…….tháng……năm……**CÁN BỘ THỐNG KÊ***( ký, ghi rõ họ tên, số điện thoại)* |

**Công an huyện…… BM4**

 **Đội………..**

**KẾT QUẢ ĐẤU TRANH ĐIỂM, TỤ ĐIỂM PHỨC TẠP VỀ MA TÚY**

**Tháng, quý, năm…**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đơn vị | **Kết quả đấu tranh** | **Xử lý Hình sự** | **Xử lý Hành chính** | khác | **Số điểm, tụ điểm hiện hành.** |
| **Điểm** | **Tụ điểm** | Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. | Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy. | Mua bán trái phép chất ma túy. | Tàng trữ trái phép chất ma túy. | Tội danh khác | Từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi | Từ 18 đến 30 tuổi | Trên 30 tuổi |  | **Điểm** | **Tụ điểm** |
| **Số điểm** | Số đối tượng xử lý | **Số tụ điểm** | Số đối tượng xử lý |
| Trong danh sách q. lý | Không trong ds quản lý | Trong danh sách q. lý | Không trong ds quản lý |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

*- Phân tích cụ thể theo trường biểu mẫu;*

*- Mốc thời gian thống kê: từ 15 tháng trước đến hết ngày 14 tháng làm báo cáo và BM.(vd: 15 tháng 1 đến 14 tháng 2 năm 202…) và thời hạn gửi báo cáo về PC04 ( Đội 4) trước ngày 15 của tháng ( theo Thông tư số 13/2022/TT-BCA).*

|  |  |
| --- | --- |
| **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ***(ký, đóng dấu)* | …………..ngày………tháng……….năm…….**CÁN BỘ THỐNG KÊ***( ký, ghi rõ họ tên, số điện thoại)* |